| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: **97**/2017/HNGĐ-ST<br>Ngày 29-12-2017<br>V/v Ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thế Vọng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Ông Nguyễn Văn Hiệp

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 693/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1970; cư trú tại: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1971; cư trú tại: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 25/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Nguyễn Thành H trình bày*: Ông H và bà Nguyễn Thị Kim L chung sống với nhau vào năm 1996, đến năm 2007 mới tiến hành đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 128, quyển số 01 ngày 02 tháng 8 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện B (nay là phường M, thị xã B), tỉnh Bình

Dương. Thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do có mâu thuẫn về tiền bạc và con riêng của cả hai. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bà L là người hung hăng, không giữ ý tứ, mỗi lần vợ chồng xảy ra cãi vã là bà L thường hay chửi mắng lớn tiếng và vu khống ông H có quan hệ với người phụ nữ khác, ngày nào cũng nói nên ông H không thể sống chung được nữa. Vì vậy, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, mâu thuẫn ngày càng gay gắt không thể hàn gắn được. Nay ông H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông H và bà L có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 16/3/1999. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày*: Bà L thống nhất với ông H về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà L nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông H trình bày vợ chồng thường xuyên cãi vã là không đúng. Trước khi về chung sống với nhau cả hai đều có con riêng nhưng cả hai vợ chồng vẫn coi con riêng như con đẻ của mình. Ông H cho rằng bà L hung hăng, lớn tiếng và nói ông H có quan hệ với người phụ nữ khác là không đúng, bởi vì đây chỉ là lý do để ông H ly hôn với bà L. Từ năm 2013 đến nay vợ chồng không còn quan hệ tình cảm gì với nhau nữa nhưng vẫn nói chuyện bình thường và vẫn sống chung một nhà. Ông H nộp đơn xin ly hôn với bà L, bà L không biết là lý do gì nhưng hiện nay bà L vẫn còn tình cảm với ông H và mong muốn gia đình được đoàn tụ để chăm lo cho con ăn học trưởng thành và chăm lo cho gia đình. Nay, bà L không đồng ý ly hôn với ông H, ngoài ra không còn ý kiến gì khác.

Về con chung: Ông H và bà L có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 16/3/1999. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa*,

- Nguyên đơn ông Nguyễn Thành H cho rằng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau vì không có hạnh phúc nên ông H quyết tâm ly hôn với bà L.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại

phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 25/9/2017, ông Nguyễn Thành H có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L nên đây là vụ án "*Ly hôn*" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

[1.3]. *Về sự tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L không có lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham dự phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*:

Ông H và bà L chung sống với nhau vào năm 1996, đến ngày 02/8/2007 Ông H và bà L tiến hành đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) M, huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa ông H và bà L là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa ông H và bà L là hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông H xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do có mâu thuẫn về tiền bạc và con riêng của cả hai người, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không còn quan tâm yêu thương nhau nữa, mâu thuẫn ngày càng gay gắt không thể hàn gắn được. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông H vẫn không có mong muốn gia đình được đoàn tụ và xác định không còn tình cảm với bà L nên cương quyết ly hôn. Hơn nữa, chính bà L cũng thừa nhận từ năm 2013 đến nay vợ chồng không còn quan hệ tình cảm với nhau. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc ông H và bà L vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của ông H, cho ông H được ly hôn với bà L.

[2.2]. *Về con chung*: Quá trình chung sống, Ông H và bà L có 01 con chung là Nguyễn Thanh N, sinh ngày 16/3/1999. Con chung đã trưởng thành và các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[4]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông H phải chịu 300.000 đồng; bà L không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành H về việc "Ly hôn" đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Thành H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L.

1.2. *Về con chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ông Nguyễn Thành H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001613 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Ông Nguyễn Thành H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị Kim L được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
-VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**Nguyễn Thế Vọng**